

Số: 92 /NQ-HĐND

Đức Cơ, ngày 02 tháng 11 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2021

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Điều 52, Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 268/NQ-UBTVQH15 ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc cho phép Chính phủ ban hành Nghị quyết có một số nội dung khác với quy định của luật để đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính Phủ;

Căn cứ Công văn 2374/STC-QLNS ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn việc sử dụng kinh phí cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên và kinh phí thu hồi các khoản chi thường xuyên chưa thực sự cần thiết, chậm triển khai để bổ sung dự phòng ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phân bổ ngân sách địa phương năm 2021;

Sau khi xem xét Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2021; Báo cáo kết quả thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2021 do thực hiện cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên và thu hồi các khoản chi thường xuyên chưa thực sự cần thiết, chậm triển khai để bổ sung nguồn dự phòng ngân sách, tập trung cho công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh giảm dự toán chi đã giao đầu năm của các đơn vị do cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên và thu hồi các khoản chi thường xuyên năm 2021, số tiền: 4.248,71 triệu đồng, bao gồm các khoản sau:

+ Cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước còn lại: 764,27 triệu đồng;

+ Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2021: 2.908,02 triệu đồng;

+ Thu hồi các khoản chi thường xuyên chưa thực sự cần thiết, chậm triển khai: 576,42 triệu đồng;

(Có danh sách chi tiết các đơn vị kèm theo)

2. Sử dụng nguồn cắt giảm, tiết kiệm và thu hồi các khoản chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Bổ sung dự phòng ngân sách huyện, số tiền: 3.266,71 triệu đồng.

- Bổ sung cho Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội để chi trả chế độ đảm bảo an sinh xã hội theo quy định, số tiền: 982,0 triệu đồng.

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất theo quy định.

Nghị quyết này đã được Thường trực Hội đồng nhân dân huyện khoá VII, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua ngày 02 tháng 11 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.//

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Phòng Tài chính- Kế hoạch;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Thường trực HĐND các xã, thị trấn;
- Lưu VT-VP.

CHỦ TỊCH



Phan Quang Thái

KINH PHÍ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 58/CP-NQ CỦA CHÍNH PHỦ VÀ KINH PHÍ THU HỒI CÁC KHOẢN CHI THƯỜNG XUYÊN CHƯA THỰC SỰ CẦN THIẾT, CHẠM TRIỂN KHAI

(Kèm theo Nghị quyết số 92 /NQ-HĐND ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Thường trực HĐND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực chi/Cơ quan, đơn vị	Cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước còn lại tính đến ngày 15/6/2021	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2021	Kinh phí thu hồi các khoản chi chưa thực sự cần thiết	Tổng kinh phí cắt giảm, thu hồi
A	B	1	2	3	4=1+2+3
	Tổng cộng	764,27	2.908,02	576,42	4.248,71
I	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo	410,05	736,5	-	1.146,55
1	Phòng Giáo dục và đào tạo		48,17		48,17
2	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp- giáo dục thường xuyên	34,42	124,31		158,73
3	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	2,55	78,75		81,31
4	Trường MN Hòa Mi	4,70	13,37		18,08
5	Trường MN Hoa Pơ Lang	9,10	6,40		15,51
6	Trường MN Bình Minh	9,55	10,09		19,64
7	Trường MN 17/3	16,00	19,36		35,36
8	Trường MN Tuổi Thơ	11,25	13,38		24,63
9	Trường MN Hòa Bình	4,90	9,27		14,17
10	Trường MN Vàng Anh	3,10	6,16		9,26
11	Trường MN Hoa Cúc	5,16	10,24		15,40
12	Trường MN Hoa Sen	8,55	13,52		22,07
13	Trường MN Hải Âu	7,09	9,10		16,19
14	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	-	11,14		11,14
15	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	9,31	10,33		19,64
16	Trường Tiểu học Hùng Vương	9,42	17,67		27,09



STT	Lĩnh vực chi/Cơ quan, đơn vị	Cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước còn lại tính đến ngày 15/6/2021	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2021	Kinh phí thu hồi các khoản chi chưa thực sự cần thiết	Tổng kinh phí cắt giảm, thu hồi
17	Trường PTDT BT Tiểu học Lê Quý Đôn	12,25	30,03		42,28
18	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	8,00	22,00		30,00
19	Trường Tiểu học Nguyễn Chí Thanh	19,00	7,50		26,50
20	Trường Tiểu học Trần Phú	23,50	19,40		42,90
21	Trường Tiểu học Cù Chính Lan	8,85	5,57		14,42
22	Trường Tiểu học Kim Đồng	2,94	12,87		15,81
23	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	6,95	13,40		20,35
24	Trường Tiểu học Ngô Mây	12,42	16,41		28,83
25	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	12,85	19,46		32,31
26	Trường Tiểu học Đinh Núp	9,26	7,03		16,29
27	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	-	4,09		4,09
28	Trường Tiểu học Võ Văn Kiệt	12,15	19,39		31,54
29	Trường Tiểu học Kpăh Klong	5,10	10,77		15,87
30	Trường THCS Quang Trung	11,66	12,19		23,85
31	Trường THCS Nguyễn Hiền	5,37	4,74		10,11
32	Trường THCS Nguyễn Trãi	17,80	9,09		26,89
33	Trường PTDTBT THCS Siu Bliêh	19,50	3,44		22,94
34	Trường THCS Lê Hồng Phong	14,33	11,05		25,38
35	Trường THCS Nguyễn Huệ	16,25	16,65		32,90
36	Trường THCS Phan Bội Châu	8,15	7,49		15,64
37	Trường THCS Lý Tự Trọng	7,35	13,41		20,76
38	Trường THCS Lê Lợi	15,00	10,18		25,18



STT	Lĩnh vực chi/Cơ quan, đơn vị	Cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước còn lại tính đến ngày 15/6/2021	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2021	Kinh phí thu hồi các khoản chi chưa thực sự cần thiết	Tổng kinh phí cắt giảm, thu hồi
39	Trường TH-THCS Lương Thế Vinh	10,00	26,00		36,00
40	Trường TH-THCS Nguyễn Du	8,88	6,46		15,34
41	Trường PTDTBT THCS Trần Quốc Toàn	-	16,77		16,77
42	Trường THCS Dân tộc Nội Trú	7,40	9,85		17,25
II	Sự nghiệp văn hóa thể thao, PTTT	14,25	83,83	350,22	448,30
1	Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao huyện (sự nghiệp văn hóa thông tin)	6,50	40,26	99,45	146,21
2	Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao huyện (sự nghiệp thể dục thể thao)	5,25	28,18	250,77	284,20
3	Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao huyện (sự nghiệp phát thanh)	2,50	5,19		7,69
4	Phòng Văn hóa và Thông tin (sự nghiệp văn hóa)		10,20		10,20
III	Chi QLNN, Đảng, Đoàn thể	304,92	755,40	226,20	1.286,52
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	7,00	328,27		335,27
2	Phòng Tài chính-Kế hoạch	10,92	16,73		27,65
3	Phòng Tài nguyên và Môi trường	10,00	3,16		13,16
4	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	14,50	11,40		25,90
5	Phòng Giáo dục và Đào tạo	10,74	12,55		23,29
6	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	5,00	6,20		11,20
7	Phòng Lao động thương binh và Xã hội	13,25	21,08		34,33
8	Phòng Nội vụ	10,00	73,43		83,43
9	Phòng Tư pháp	6,15	5,85		12,00
10	Thanh tra huyện		5,73		5,73
11	Phòng Văn hóa và Thông tin	3,50	26,25		29,75
12	Phòng Dân tộc	4,50	1,63		6,13
13	Văn phòng Huyện ủy	116,40	162,47		278,87
14	Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam	16,56	38,47		55,03

STT	Lĩnh vực chi/Cơ quan, đơn vị	Cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước còn lại tính đến ngày 15/6/2021	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2021	Kinh phí thu hồi các khoản chi chưa thực sự cần thiết	Tổng kinh phí cắt giảm, thu hồi
15	Huyện đoàn	11,20	12,28		23,48
16	Hội Liên hiệp phụ nữ huyện	16,70	20,55		37,25
17	Hội nông dân	22,50	4,80		27,30
18	Hội Cựu Chiến binh	13,50	3,65		17,15
19	Hội người cao tuổi	12,50	0,90		13,40
20	Liên đoàn lao động huyện			26,20	26,20
21	Ngân sách huyện (kinh phí tổ chức các phiên chợ)			200,00	200,00
IV	Sự nghiệp kinh tế	6,50	109,30	-	115,80
1	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	3,50	20,70		24,20
2	Đội Công trình giao thông và Dịch vụ đô thị	3,00	88,60		91,60
V	An ninh -quốc phòng	28,55	109,10	-	137,65
1	Công an huyện		31,50		31,50
2	Cơ quan quân sự huyện	8,55	59,30		67,85
3	Văn phòng HĐND-UBND huyện		10,20		10,20
4	Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam		8,10		8,10
5	Huyện đoàn	5,00			5,00
6	Hội Liên hiệp phụ nữ	5,00			5,00
7	Hội nông dân	5,00			5,00
8	Hội Cựu Chiến binh	5,00			5,00
VI	Sự nghiệp y tế	-	12,70	-	12,70
1	Hội Chữ thập đỏ		12,70		12,70
VII	Sự nghiệp khoa học và công nghệ và môi trường	-	119,20	-	119,20
1	Phòng Tài nguyên và môi trường (sự nghiệp môi trường)		1,72		1,72
2	Đội Công trình giao thông và Dịch vụ đô thị (sự nghiệp môi trường)		83,98		83,98
3	Kinh phí khoa học và công nghệ (ngân sách huyện)		33,50		33,50
VIII	Sự nghiệp bảo đảm xã hội	-	982,00	-	982,00
1	Phòng Lao động thương binh và xã hội		982,00		982,00